

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 5 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Hoàng Yên.

Ông Nguyễn Nhật Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vi Văn K, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. (Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 01/2019/QĐST-VDS ngày 10/01/2019). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn chị

Vi Thị T trình bày: Qua hai bên gia đình mai mối, giới thiệu, chị và anh Vi Văn K kết hôn theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2003. Đến năm 2007, chị và anh Vi Văn K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ của anh Vi Văn K tại thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian chung sống, hai bên không có mâu thuẫn, tuy nhiên, do kết hôn khi còn quá trẻ và trước khi kết hôn, hai bên chưa có thời gian tìm hiểu nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ năm 2008, anh Vi Văn K thường xuyên bỏ nhà ra đi, không rõ lý do, không báo cho chị Vi Thị T biết là anh Vi Văn K đi đâu và làm gì, cũng không liên lạc gì với chị Vi Thị T. Đến năm 2010, anh Vi Văn K mới về nhà 01 lần; năm 2012, bố đẻ của anh Vi Văn K chết nhưng anh Vi Văn K cũng không về nhà. Trong thời gian bỏ đi, anh Vi Văn K quan tâm, không gửi tiền về phụ giúp chị nuôi dưỡng bố mẹ chồng và các con. Từ năm 2015, anh Vi Văn K đi biệt tích, đến nay chưa về nhà lần nào, chị Vi Thị T đã thực hiện nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả, không ai biết anh Vi Văn K đang làm gì, ở đâu. Do đó, tháng 07/2018, chị Vi Thị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Vi Văn K mất tích. Đến ngày 10/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định tuyên bố anh Vi Văn K mất tích. Do anh Vi Văn K bỏ đi đã lâu, không có tin tức gì, chị không thể tiếp tục chờ đợi được nữa, chị xác định không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung Vi Thu N, sinh ngày 06/10/2005 và Vi Ngọc B, sinh ngày 21/4/2008; từ khi anh Vi Văn K bỏ đi cho đến nay, các con chung vẫn sống với mẹ. Khi ly hôn, chị Vi Thị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung là 29 thửa đất ở và đất ruộng có tổng diện tích 1.944m² theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-01046QSDĐ/399/1998/QĐ-UB(H) ngày 23/12/1998 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp và số 02266QSDĐ/640/2003/QĐ-UB(H) ngày 28/10/2003 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp mang tên hộ ông Vy Văn T (Vi Văn Th) do bố mẹ chồng chia cho 02 vợ chồng tại thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất có 01 nhà cấp 04 do chị Vi Thị T tự bỏ tiền ra xây vào năm 2012. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng để lại toàn bộ tài sản chung cho các con. Do đó, hiện nay chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để thông báo cho anh Vi Văn K, triệu tập hợp lệ anh Vi Văn K tham gia các giai đoạn tố tụng nhưng anh Vi Văn K đều vắng mặt; do đó, Tòa án không thu thập được bản tự khai của anh Vi Văn K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn phát biểu quan điểm đề nghị:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc quyền,

nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã bị tuyên bố mất tích. Việc Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự, điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị T. Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Vi Văn K có 02 con là Vi Thu N, sinh ngày 06/10/2005 và Vi Ngọc B, sinh ngày 21/4/2008; khi ly hôn, chị Vi Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Vi Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Vi Văn K trở về, Tòa án quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích, anh Vi Văn K được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu; buộc chị Vi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Vi Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết xin ly hôn với bị đơn anh Vi Văn K có nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích tại thôn H, xã H, thành phố L. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng do anh Vi Văn K đã mất tích, không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, chính vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là lần thứ hai anh Vi Văn K vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị T và anh Vi Văn K là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 33/2007, ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và sự đồng thuận tổ chức hôn lễ theo phong tục truyền thống.

[3] Năm 2015, anh Vi Văn K bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú. Tòa án đã thông báo tìm kiếm anh Vi Văn K trên báo đài trung ương và địa phương, hết thời hạn tố tụng cho phép, ngày 10/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã ra Quyết định số 01/2019/QĐST-VDS về việc yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh Vi Văn K đã có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, anh Vi Văn K bỏ nhà ra đi, không liên lạc gì với chị Vi Thị T cho thấy anh Vi Văn K không quan tâm, chăm sóc vợ con, không có thiện chí trong việc cùng chị Vi Thị T xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã ly thân từ năm 2010, đời sống chung không tồn tại, không có căn cứ đoàn tụ.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị T đối với anh Vi Văn K là có căn cứ thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Vi Văn K có 02 con chung là Vi Thu N, sinh ngày 06/10/2005 và Vi Ngọc B, sinh ngày 21/4/2008. Do anh Vi Văn K đã mất tích nên chị Vi Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do chị Vi Thị T không yêu cầu nên anh Vi Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Chị Vi Thị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia khối tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn trong vụ án xin ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các nhận định nêu trên theo quy định của pháp luật.

[10] Chị Vi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Vi Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 56, các Điều 57, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T được ly hôn anh Vi Văn K.

2. Con chung: Chị Vi Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vi Thu N, sinh ngày 06/10/2005 và Vi Ngọc B, sinh ngày 21/4/2008 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Vi Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Vi Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Vi Thị T đã thi hành đủ theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/03049 ngày 12/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Chị Vi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vi Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- UBND x. H; TP L, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường